

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HS-PT

Ngày 27 – 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Bà Đỗ Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 64/2020/TLPT-HS ngày 16 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo Đinh Thị D và Vũ Văn Qu do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2020/HS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình.

Các bị cáo kháng cáo:

1. **Đinh Thị D**, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Số nhà 56, khu 8, thị trấn D Đ, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: hưu trí; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn K và bà Đinh Thị R (đều đã chết); có chồng là Dương Văn T (đã chết); có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 25/11/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

2. **Vũ Văn Qu**, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số nhà 311, khu 2, thị trấn D Đ, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa: 12/12 (Đại học quản lý đất đai); nghề nghiệp: cán bộ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Ch và bà Hà Thị L (đã chết); bị cáo có vợ là Phạm Thị Thúy L; có

hai con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 25/11/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại kháng cáo: Ông Vũ Năng Nh, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; đều trú tại: thôn V X Đ, xã Th X, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình (có mặt ông Nh, vắng mặt bà L).

Trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1995, ông Tô Thế L nộp tiền mua đất tại khu Tân Sơn thuộc khu 9, thị trấn D Đ, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình, ông L đã nộp đủ 30.000.000đ, đã nhận phiếu thu, giấy biên nhận tiền. Ngày 01/4/1998, UBND huyện Th Th, tỉnh Thái Bình đã lập biên bản giao thửa đất số 96, tờ bản đồ số 32, khu 9, thị trấn D Đ, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình; người nhận đất là ông L. Do ông L vắng mặt nên ông Dương Văn T là người nhận hộ biên bản giao thửa đất nêu trên nhưng sau đó ông Toại chưa giao cho ông L, năm 2006 ông T chết. Sau khi ông T chết, vợ ông là bị cáo D tìm thấy trong tủ có biên bản giao thửa đất nêu trên, người nhận đất là ông L nhưng không biết ông L ở đâu. Năm 2011, bị cáo D muốn bán thửa đất trên cho bà Vũ Thị H nhưng bà H thấy ghi tên ông L nên không mua nữa. Tháng 11/2012, khi vợ chồng ông Vũ Năng Nh và bà Nguyễn Thị L đến gặp bị cáo D hỏi mua thửa đất trên thì bị cáo D đã nói dối ông Nh, bà L là ông L đã bán thửa đất trên cho bị cáo. Ông Nh yêu cầu bị cáo D phải làm được giấy tờ chuyển nhượng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nh, bà L, bị cáo đồng ý chuyển nhượng thửa đất với giá 120.000.000đ.

Ngày 14/11/2012, bị cáo D mang biên bản giao thửa đất mang tên ông L đến gặp bị cáo Vũ Văn Qu là cán bộ địa chính thị trấn D Đ, nhờ Qu giúp làm hồ sơ chuyển nhượng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất cho ông Nh, bà L; bị cáo Qu đồng ý và đã hướng dẫn bị cáo D làm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất, bên chuyển nhượng là vợ chồng ông L, bà V; bên nhận chuyển nhượng là ông Nh, bà L. Bị cáo Qu yêu cầu bị cáo D cung cấp họ, tên, số chứng minh nhân dân của vợ chồng ông L để làm hồ sơ chuyển nhượng. Bị cáo D đã đọc số chứng minh nhân dân của anh trai bị cáo là ông Đình Văn Th để bị cáo Qu ghi thành số chứng minh nhân dân của ông L; đọc họ tên, số chứng minh nhân dân của vợ ông Th là bà

Nguyễn Thị V cho bị cáo Qu để ghi thành họ tên, số chứng minh nhân dân của vợ ông L. Mặc dù chỉ được bị cáo D đọc cho ghi nhưng bị cáo Qu đã sử dụng ghi vào bên chuyển nhượng trong hợp đồng chuyển nhượng mà không yêu cầu bị cáo D xuất trình tài liệu để kiểm tra, đối chiếu. Bị cáo Qu là người trực tiếp lập các văn bản khác trong hồ sơ chuyển nhượng đất như: Biên bản xác minh hiện trạng sử dụng đất ngày 15/11/2012; Đơn xin xác nhận ngày 10/10/2012; Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 15/11/2012; Công khai kết quả xác minh những trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 01/11/2012; Biên bản về việc kết thúc công khai kết quả kiểm tra, xác minh trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 15/11/2012... Khi hoàn tất hồ sơ, bị cáo Qu yêu cầu bị cáo D báo vợ chồng ông L đến UBND thị trấn D Đ để ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước sự chứng kiến của cán bộ địa chính. Khi bị cáo D lấy lý do vợ chồng ông L bận không về được, đề nghị bị cáo Qu cho mang hồ sơ về để bị cáo gửi lên Hà Nội lấy chữ ký của vợ chồng ông L thì bị cáo Qu đã đồng ý. Bị cáo D đem hồ sơ về nhà, yêu cầu vợ chồng ông Nh ký vào mục bên người nhận chuyển nhượng; bị cáo D tự ký tên ông L, bà V vào mục bên chuyển nhượng rồi đem nộp cho bị cáo Qu. Bị cáo Qu kiểm tra thấy đã hoàn tất hồ sơ thì ghi lời chứng rồi trình Chủ tịch UBND thị trấn D Đ ký xác nhận; sau đó đưa hồ sơ cho bị cáo D đi photo thêm 2 bộ nữa. Sau khi đóng dấu, bị cáo D được giao 02 bộ hồ sơ gồm 01 bộ chính, 01 bộ photocopy đem nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Th Th. Ngày 27/12/2012, Chủ tịch UBND huyện Th Th, tỉnh Thái Bình đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho vợ chồng ông Nh, bà L, hai bên đã thanh toán tiền mua đất cho nhau. Đến năm 2014, ông Nh, bà L bán thửa đất nêu trên cho ông Nguyễn Việt H1 và bà Vũ Thị H với giá 310.000.000đ. Ông H1, bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Năm 2018, ông L phát hiện vụ việc và trình báo công an huyện Th Th. Tại kết luận định giá số 22/BB-ĐG ngày 25/5/2019, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Th Th đã kết luận: thửa đất số 96, tờ bản đồ số 32, khu 9, thị trấn D Đ, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình có diện tích 81m² có giá trị tại thời điểm ngày 14/11/2012 là 164.997.000đ.

Bản án số 39/2020/HS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đinh Thị D phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Bị cáo Vũ Văn Qu phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”
2. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều

51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Đinh Thị D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; được trừ 80 ngày đã tạm giam, còn phải thi hành 02 (hai) năm 03 (ba) tháng 10 (mười) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 285 BLHS 1999; Điều 41; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 BLHS 2015: Xử phạt bị cáo Vũ Văn Qu 06 (sáu) tháng tù, được trừ 49 ngày đã tạm giam; còn phải thi hành 04 (bốn) tháng 11 (mười một) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Cấm bị cáo Qu đảm nhiệm chức vụ cán bộ địa chính trong thời hạn 01 năm, kể từ khi thi hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 08/6/2020, bị cáo Đinh Thị D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Ngày 15/6/2020, bị cáo Vũ Văn Qu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Ngày 18/6/2020, bị hại ông Nh, bà L kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo cho bị cáo D.

Tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như án sơ thẩm đã quy kết, các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Bị hại ông Vũ Năng Nh đề nghị HĐXX cho bị cáo D được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo Đinh Thị D, Vũ Văn Qu, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đinh Thị D, Vũ Văn Qu và bị hại, giữ nguyên mức hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo : Kháng cáo của bị cáo Đinh Thị D, Vũ Văn Qu và bị hại ông Vũ Văn Nh, bà Nguyễn Thị L làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Đinh Thị D, Vũ Văn Qu thấy: Lời khai

nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Quyết định 452 ngày 09/9/1996 của UBND tỉnh Thái Bình về việc giao đất ở cho từng hộ (có hộ ông Tô Thế L); Phiếu thu số 41 số tiền 30.000.000đ, người nộp tiền ông Tô Thế L; Biên bản giao đất ngày 01/4/1998, người nhận đất là ông L; hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Các bản kết luận giám định số 53/KLGD-PC09 ngày 25/7/2019; số 58/KLGD-PC09 ngày 19/7/2019; số 104/KLGD-PC09 ngày 26/12/2019; số 105/KLGD-PC09 ngày 24/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.... Vì vậy có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định: mặc dù không phải là chủ sử dụng thửa đất số thửa đất số 96, tờ bản đồ số 32, khu 9, thị trấn D Đ, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình nhưng bị cáo D tự nhận là của bị cáo, đưa ra các thông tin gian dối để thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất cho ông Nh, bà L nhằm chiếm đoạt số tiền mua đất của ông Nh, bà L là 120.000.000đ; bị cáo Qu là cán bộ địa chính khi thực hiện công vụ của mình đã không yêu cầu xuất trình giấy tờ gốc để kiểm tra đối chiếu các thông tin do bị cáo D cung cấp; đã giao toàn bộ hồ sơ cho bị cáo D mang về từ đó bị cáo D đã giả mạo thông tin cá nhân, giả mạo chữ ký của chủ sử dụng đất để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo Đinh Thị D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và bị cáo Vũ Văn Qu về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” là đúng người, đúng tội.

[3] Xét nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo thấy: hành vi phạm tội của bị cáo D đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, của bị cáo Qu xâm phạm đến tính đúng đắn trong hoạt động quản lý Nhà nước, gây ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan Nhà nước. Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo D 02 năm 06 tháng tù; bị cáo Qu 06 tháng tù là có căn cứ, do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo.

Xét yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo và bị hại thấy: các bị cáo sau khi phạm tội đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, đã khắc phục xong toàn bộ thiệt hại do tội phạm gây nên, các bị cáo có nhân thân tốt; bản thân bị cáo D đang phải điều trị bệnh, bị cáo Qu có đơn của tổ dân phố nơi cư trú, có xác nhận của chính quyền địa phương đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, của bị hại, sửa bản án sơ thẩm cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác

dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Đinh Thị D, Vũ Văn Qu, của bị hại; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đinh Thị D phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, bị cáo Vũ Văn Qu phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”

2. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1,2 Điều 65; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Đinh Thị D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 25/11/2019).

3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 285 BLHS 1999; Điều 41; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS 2015: Xử phạt bị cáo Vũ Văn Qu 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến ngày 25/11/2019).

Cấm bị cáo Qu đảm nhiệm chức vụ cán bộ địa chính trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Giao bị cáo Đinh Thị D, Vũ Văn Qu cho UBND thị trấn D Đ, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình giám sát trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về án phí: Các bị cáo Đinh Thị D, Vũ Văn Qu không phải chịu án phí hình

sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 27/8/2020.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, Công an huyện Th Th, tỉnh Thái Bình;
- UBKT huyện ủy h. Th Th, Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Th Th, tỉnh Thái Bình;
- UBND thị trấn D Đ, huyện ThTh, tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo kháng cáo; bị hại kháng cáo
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lương Hải Yến